

Số: GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 05/7/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Đa khoa Phúc Thịnh tại xã Đông Tân, xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Phương Linh;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 54/CV-PL ngày 14/6/2023 của Công ty TNHH Phương Linh về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Bệnh viện Đa khoa Phúc Thịnh tại phường Đông Tân và phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 761/TTr-STNMT ngày 05 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Phương Linh, địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà A1, Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh, phường Đông Lĩnh, Thành phố Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Bệnh viện Đa khoa Phúc Thịnh tại phường Đông Tân và phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Phúc Thịnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại phường Đông Tân và phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801072828, do Phòng Đăng

ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Đăng ký lần đầu ngày 20/9/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 3 năm 2022.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 2801072828.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dịch vụ khám chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: Tổng diện tích sử dụng đất 31.326,0 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 700 giường bệnh

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về mùi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Phương Linh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Phương Linh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 15 tháng 7 năm 2023 đến ngày 15 tháng 7 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung giấy phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Phương Linh (để t/hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND TP Thanh Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 1: Nước thải nhà vệ sinh, lưu lượng khoảng $54,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ phát sinh từ Nhà Khoa khám bệnh, khoa xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh; Khối điều trị nội trú (Hệ ngoại); Khối điều trị nội trú (Hệ nội); Khoa dinh dưỡng – Dịch vụ tổng hợp; Khoa chống nhiễm khuẩn; Nhà chuyên gia; Nhà chất lượng; Nhà ăn + căng tin được xử lý trong bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý tập trung.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải hoạt động rửa tay chân, lưu lượng khoảng $95,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ phát sinh từ Nhà Khoa khám bệnh, khoa xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh; Khối điều trị nội trú (Hệ ngoại); Khối điều trị nội trú (Hệ nội); Khoa dinh dưỡng – Dịch vụ tổng hợp; Khoa chống nhiễm khuẩn; Nhà chuyên gia; Nhà chất lượng; Nhà ăn + căng tin được dẫn về hệ thống xử lý tập trung.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực bếp ăn, lưu lượng khoảng $27,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ phát sinh từ Nhà ăn + căng tin được xử lý trong bể tách dầu.

1.4. Nguồn số 04: Nước thải y tế không nhiễm xạ, lưu lượng khoảng $92,8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ phát sinh từ Nhà Khoa khám bệnh, khoa xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh; Khối điều trị nội trú (Hệ ngoại); Khối điều trị nội trú (Hệ nội); Nhà chất lượng được dẫn về hệ thống xử lý tập trung.

1.5. Nguồn số 05: Nước thải y tế nhiễm xạ, lưu lượng khoảng $2,7 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ phát sinh từ Nhà chất lượng được xử lý trong bể tiêu xạ sau đó dẫn về hệ thống xử lý tập trung.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải bệnh viện là sông Vét.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Nước thải sau xử lý của bệnh viện xả ra sông Vét phía Đông dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°): X= 2191546 (m); Y= 578406 (m)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $273,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả thải: Xả mặt bằng cách bơm cưỡng bức từ bể khử trùng của hệ thống XLNT tập trung.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,0 cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ)
2	Hàm lượng BOD ₅	mg/l	50	
3	Hàm lượng COD	mg/l	100	
4	TSS	mg/l	100	
5	Hàm lượng S ²⁻	mg/l	4,0	
6	Hàm lượng N/NH ₄ ⁺	mg/l	10	
7	Hàm lượng P/PO ₄ ³⁻	mg/l	10	
8	Hàm lượng N/NO ₃ ⁻	mg/l	50	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
10	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1	
11	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0	
12	Coliform	MPN /100ml	5.000	
13	Samonella	Vi khuẩn /100ml	KPH	
14	Shigella	Vi khuẩn /100ml	KPH	
15	Vibrochorella	Vi khuẩn /100ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn nước thải số 01: Nước thải vệ sinh từ các khoa phòng, các khối điều trị được thu gom và dẫn theo đường ống nhựa DN110 đến các bể tự hoại 3 ngăn của mỗi công trình để xử lý sơ bộ.

- Nguồn nước thải số 02: Nước tắm rửa, giặt giũ tại các khoa phòng, các khối điều trị được xử lý sơ bộ bằng dụng cụ tách rác có sẵn, sau đó dẫn theo đường ống nhựa DN110 đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn nước thải số 03: Nước thải nhà ăn tại Nhà căng tin được thu gom và dẫn theo đường ống nhựa DN110 đến bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ.

- Nguồn nước thải số 04: Nước thải y tế không nhiễm xạ được thu gom và dẫn theo đường ống nhựa DN110 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn nước thải số 05: Nước thải y tế nhiễm xạ được thu gom bằng đường ống nhựa DN110 về bể tiêu xạ để xử lý sơ bộ.

Toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án sau khi xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300m³/ngày/đêm để xử lý trước khi bơm cưỡng bức theo đường ống PVC D90 ra sông Vét phía Đông dự án tại phường Đông Lĩnh, thành phố Thanh Hóa.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại: 21 bể.

1.2.2. Bể tách dầu: 01 bể.

1.2.3. Bể tiêu xạ: 01 bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn lưu giữ số 01 → Ngăn lưu giữ số 02 → Ngăn lưu giữ số 03 → Ngăn lưu giữ số 04 → Ngăn lưu giữ số 05 → Ngăn lưu giữ số 06 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Dung tích thiết kế: 525,6 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Sông Vét.

- Công suất thiết kế: 300 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nước thải được bơm về bể điều hòa để lưu trữ. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra, phát hiện và cải thiện hiệu quả vận hành của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục, nước thải tiếp tục được bơm về các bể để tiếp tục xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (dự kiến từ tháng 09/2023).

- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và mẫu nước thải đầu ra tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ MÙI VÀ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NGUỒN PHÁT SINH KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

1.1. Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng đã được xử lý qua hệ thống xử lý khí thải tích hợp theo máy phát điện qua ống thoát khí ra môi trường

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí của máy phát điện dự phòng. Toạ độ vị trí xả khí thải (theo hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trực 105° , vĩ chiều 3°) như sau: X= 2191671 (m); Y= 578258 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: $P = 1.540 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.3. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01: Xả cưỡng bức bằng quạt hút qua ống thoát khí ra môi trường.

2.4. Chất lượng khí thải sau xử lý:

Khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải; nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện dự phòng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom bằng đường ống tích hợp trong máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý xả trực tiếp ra môi trường qua ống thoát khí của máy phát điện dự phòng.

1.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.2.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ hoạt động của máy phát điện dự phòng theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng mùi, khí thải quy định tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý mùi, khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung)

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ nguồn số 01: X= 2191671 (m); Y= 578258 (m).
- Tọa độ nguồn số 02: X= 2191573 (m); Y= 578397 (m).

(Theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Trồng cây xanh quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của Nhà khách.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
		Rắn	Lỏng	Bùn		
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung			x	12 06 05	1.000
2	Chất thải y tế lây nhiễm	x			13 01 01	32.850
3	Chất thải nhiễm xạ	x			13 01 06	3.285
4	Bùn thải từ bể tiêu xạ			x	13 01 06	500
5	Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và kim loại nặng (Nhiệt kế, huyết áp kế,...)	x			13 03 02	20
6	Các loại pin thải	x			16 01 12	5
7	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	80
	Tổng					37.740

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Vỏ chai, vỏ hộp thuốc, dược phẩm thải bỏ không chứa thành phần nguy hại nguy hại	Rắn	27.720
2	Bùn thải từ các bể tự hoại	Bùn/lỏng	3.000
Tổng khối lượng			30.720

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt		253,0
Tổng khối lượng			253,0

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 240 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 103,4 m², ngăn chứa chất thải nguy hại có diện tích 20,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Vỏ chai, vỏ hộp thuốc không chứa chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa dung tích 240 lít.

- Bùn cặn bể lắng được phơi khô và thu gom cùng chất thải thông thường

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 103,4 m², ngăn chứa chất thải thông thường có diện tích 83,4m² và 01 kho chất thải tái chế có diện tích 36,0m². Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Xây dựng 01 kho tiêu xạ có diện tích 50m² (BxL=6,1x8,2m) để xử lý chất thải nhiễm xạ. Kho được xây dựng toàn bộ bằng bê tông cốt thép dày 40cm.

- Điều kiện an toàn bức xạ (Theo Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN ngày

25/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng):

- + Diện tích của kho phải đủ rộng để có thể sắp xếp các thùng, bao, túi, bình đựng chất thải thu gom có thứ tự, dễ đưa vào và lấy ra khi cần thiết và bảo đảm duy trì trạng thái dưới tới hạn nếu lưu giữ vật liệu hạt nhân;

- + Đặt tại khu vực ít người qua lại, cách xa nơi lưu giữ vật liệu nguy hiểm (ví dụ như chất nổ, chất dễ cháy) và cách xa nguồn nước sinh hoạt, chỉ có một cửa ra vào, không có cửa sổ và được xây dựng chắc chắn, bề mặt tường và sàn kho phải làm bằng vật liệu dễ tẩy xạ;

- + Thiết kế che chắn của kho phải bảo đảm để suất liều bức xạ bề mặt bên ngoài cửa ra vào, tường kho không vượt quá $0,5 \mu\text{Sv/h}$;

- + Có khả năng chống ngập lụt, chống tác hại tự nhiên (nóng, ẩm, mưa);

- + Có khóa an ninh lắp cho cửa ra vào kho.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa dung tích 100 lít và 240 lít tại các hành lang, sân đường nội bộ sau đó tập kết chứa vào 06 xe đẩy tay dung tích $0,45\text{m}^3/\text{xe}$

2.3.2. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt:

- Xây dựng 01 khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt có diện tích $100,0 \text{ m}^2$.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có nền đổ bê tông, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Thực hiện phun khử khuẩn với tần suất 02 lần/ngày tại điểm tập kết rác.

2.4. Chuyển giao chất thải

Hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý cho từng loại chất thải với tần suất phù hợp tại điểm tập kết rác thải.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án Bệnh viện Đa khoa Phúc Thịnh có quy mô 700 giường bệnh đã hoàn thành, hạng mục, công trình phục vụ khám và điều trị cho quy mô 450 giường bệnh. Giai đoạn tiếp theo, Công ty TNHH Phương Linh phải tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình cho toàn dự án.

1. Các hạng mục, công trình xây dựng của Dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

1.1. Hạng mục, công trình phục vụ nâng quy mô giường bệnh

a) Hạng mục công trình chính Nhà chất lượng (Nhà điều trị chất lượng cao – Ung bướu và y học hạt nhân) với diện tích là 1.077,0 m² (7 tầng); Nhà tang lễ diện tích 118,2 m² (1 tầng).

b) Hạng mục công trình phụ trợ: Khu nhà dịch vụ diện tích 1.672,0 m² (2 tầng); Nhà ăn - căng tin diện tích 403,5 m² (2 tầng); Nhà để xe của khách diện tích 974,0 m² (1 tầng); Nhà Cầu nổi diện tích 157,4 m² (2 tầng); Nhà xe (Khối nhà chất lượng) diện tích 231,0 m² (1 tầng).

c) Quy mô dự án:

Sau khi hoàn thành và đưa dự án đi vào hoạt động ổn định, quy mô của bệnh viện được nâng lên 700 giường bệnh.

1.2. Hạng mục, công trình bảo vệ môi trường

- Xây dựng mới 04 bể tự hoại dung tích 30m³/bể (Kích thước BxLxH=3,0x4,0x2,5m) tại Nhà chất lượng, 01 bể tự hoại dung tích là 10,0m³ tại Nhà ăn + căng tin.

- Xây dựng mới bể tách mỡ dưới nhà căng tin có thể tích 9,0m³ (kích thước 3x2x1,5m).

- Xây dựng mới 01 kho tiêu xạ có diện tích 50m^2 ($B \times L = 6,1 \times 8,2\text{m}$) để xử lý chất thải nhiễm xạ. Kho được xây dựng toàn bộ bằng bê tông cốt thép dày 40cm.
- Xây dựng mới 01 bể tiêu xạ gồm 6 ngăn, với tổng thể tích $525,6\text{ m}^3$, thể tích hiệu dụng mỗi ngăn $87,6\text{m}^3$ thông số kích thước bể (Kích thước $B \times L \times H = 8,0 \times 11,0 \times 3,65\text{m}$) được xây dựng bằng bê tông cốt thép, đặt ngầm gần khu xạ trị.
- Cải tạo, nâng công suất hệ thống XLNT tập trung hiện trạng từ $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ lên thành $300\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

2.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân: Xây dựng bể lắng có $V = 2\text{ m}^3$ thành và đáy lót bạt HDPE chống thấm để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

- Đối với nước thải vệ sinh được xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh (rộng 125 cm, dài 90 cm, cao 260 cm). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 02 ngày/lần) đem đi xử lý.

- Đối với nước thải xây dựng: Thu gom về 01 bể lắng có dung tích 02 m^3 (có lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm, kích thước bể là $B \times L \times H = 2,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$) tại khu vực lán trại để xử lý.

2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải nhà vệ sinh phát sinh từ Nhà Khoa khám bệnh, khoa xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh; Khối điều trị nội trú (Hệ ngoại); Khối điều trị nội trú (Hệ nội); Khoa dinh dưỡng – Dịch vụ tổng hợp; Khoa chống nhiễm khuẩn; Nhà chuyên gia; Nhà chất lượng; Nhà ăn + căng tin được xử lý trong bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý tập trung công suất $300\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải hoạt động rửa tay chân phát sinh từ Nhà Khoa khám bệnh, khoa xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh; Khối điều trị nội trú (Hệ ngoại); Khối điều trị nội trú (Hệ nội); Khoa dinh dưỡng – Dịch vụ tổng hợp; Khoa chống nhiễm khuẩn; Nhà chuyên gia; Nhà chất lượng; Nhà ăn + căng tin được dẫn về hệ thống xử lý tập trung công suất $300\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải từ khu vực bếp ăn phát sinh từ Nhà ăn + căng tin được xử lý trong bể tách dầu sau đó dẫn về hệ thống xử lý tập trung công suất $300\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải y tế không nhiễm xạ phát sinh từ Nhà Khoa khám bệnh, khoa xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh; Khối điều trị nội trú (Hệ ngoại); Khối điều trị nội trú (Hệ nội); Nhà chất lượng được dẫn về hệ thống xử lý tập trung công suất 300m³/ngày.đêm.

- Nước thải y tế nhiễm xạ phát sinh từ Nhà chất lượng được xử lý trong bể tiêu xạ sau đó dẫn về hệ thống xử lý tập trung công suất 300m³/ngày.đêm.

2.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình thực hiện dự án. Nước thải sau xử lý tại các hệ thống xử lý tập trung đảm bảo yêu cầu theo Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,0 trước khi xả thải ra môi trường.

2.2. Về xử lý bụi, khí thải:

2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường vận chuyển với chiều dài 200m tính từ cổng khu vực dự án về 2 phía.

- Bố trí trạm rửa xe để phun nước giảm bụi, tránh bụi đất đá cuốn theo bánh xe làm ảnh hưởng đến tuyến đường bê tông dẫn vào dự án.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 2,5m, bao quanh khu vực thi công để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Lắp đặt hệ thống quạt, điều hòa, quạt thông gió,... tại các phòng khám, chữa bệnh, phòng làm việc; chụp hút tại khu vực nhà bếp; quạt hút mùi tại các phòng vệ sinh,...

- Thường xuyên vệ sinh, sát khuẩn các khoa phòng, khuôn viên bệnh viện; thay thế những nắp cống hỏng; định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh thoát nước hạn

chế sự phát tán mùi ra môi trường xung quanh.

- Các labo xét nghiệm, kho hóa chất, dược phẩm phải bố trí hệ thống thông khí cục bộ và xử lý khí độc như chụp hút, tủ hút...

- Sử dụng thêm các chế phẩm vi sinh xử lý mùi hôi, khử khuẩn như: Enchoice, EM, CloraminB,... Các chế phẩm vi sinh được phun trực tiếp vào các nguồn có khả năng phát sinh mùi, các khu vệ sinh, khu tập kết rác thải. Với ước tính khối lượng hóa chất khử trùng, sát khuẩn bệnh viện định kỳ 01 tuần/lần.

- Tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý khí thải máy phát điện. Khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải; nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện dự phòng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, quản lý chất thải rắn thông thường

2.3.1. Giai đoạn thi công

Trang bị 01 thùng dung tích 60 lít/thùng đặt tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt. Sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày theo quy định.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá... và đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng sẽ được sử dụng để làm lớp lót sân đường nội bộ và dùng để đắp nền công trình.

- Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng... thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Bùn thải từ quá trình nạo vét khơi thông cống rãnh, quét mặt bằng sân đường nội bộ khu vực thi công dự án... được thu gom và đơn vị môi trường có chức năng định kỳ đến nạo vét thông hút và vận chuyển đi xử lý tần suất 1 tuần/lần.

2.3.2. Giai đoạn vận hành

** Phân loại rác thải tại nguồn thải:*

Việc phân loại chất thải rắn được tiến hành ngay tại nguồn thải với các nguyên tắc cơ bản: Tiến hành phân loại ngay tại thời điểm chất thải phát sinh và đựng các chất thải trong các túi, thùng đúng thời gian quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Sử dụng 80 thùng đựng rác bằng nhựa loại 5 lít, 10 lít, 20 lít/thùng bằng composite đặt tại các hành lang, các nhà khám, chữa bệnh, khu vực nhà bếp để chứa rác thải sinh hoạt thông thường, các thùng chứa này có

màu khác nhau. Yêu cầu các chất thải rắn y tế nguy hại không được để lẫn trong chất thải sinh hoạt.

- Chất thải y tế thông thường được thu gom vào 40 hộp y tế (10 lít/hộp); sau đó, được tập kết vào 06 thùng chuyên dụng (240 lít/thùng). Với mỗi loại chất thải được đựng trong các thùng khác nhau:

- + Thùng, túi nilon màu xanh: Đựng chất thải rắn sinh hoạt;
- + Thùng, túi nilon màu trắng: Đựng chất thải y tế thông thường;
- + Tại các xe tiêm thuốc đặt 01 thùng 5 lít đựng chất thải y tế nguy hại; 01 thùng đựng kim tiêm và túi màu trắng đựng chất thải y tế thông thường.

- Tại khu vực nhà bếp sử dụng 1 thùng chứa loại 240 lít/thùng hiện trạng để chứa thức ăn thừa nhà bếp, và 20 rọ rác loại 5 lít/rọ để tại các bàn ăn để chứa rác thải nhà ăn.

** Lưu giữ chất thải*

- Các chất thải này sau đó sẽ được vận chuyển tới khu vực lưu trữ, thời gian lưu chất thải này không quá 24h.

- Khu lưu giữ chất thải: Bố trí khu lưu chứa chất thải thông thường có diện tích 83,4m² (nằm trong kho chất thải diện tích 103,4 m²) được đổ bê tông và láng nền vừa xi măng chống thấm, tường xây gạch, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, bên trong bố trí 03 màu xanh loại 240 lít/thùng chứa chất thải y tế thông thường. Ngoài ra bố trí 06 xe đẩy tay dung tích 0,45m³/xe để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phía ngoài kho có diện tích 100,0 m².

- Chất thải tái chế tại bệnh viện được lưu trữ trong kho chứa có diện tích 36,0m² được đổ bê tông và láng nền vừa xi măng chống thấm, tường xây gạch, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng. Kho được đặt cạnh Nhà khoa chống nhiễm khuẩn, bên trong bố trí 02 thùng chứa loại 240 lít/thùng màu trắng để lưu trữ chất thải tái chế.

** Phương án xử lý đối với từng loại chất thải cụ thể như sau:*

- Thu gom hàng ngày và chứa trong các thùng rác kín, hàng ngày vận chuyển đến nơi quy định của Bệnh viện.

- Công ty hợp đồng với các đơn vị chức năng thu gom vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

2.4. Công trình lưu giữ chất thải rắn nguy hại

2.4.1. Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị 01 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực lán trại.

- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị 01 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng dán nhãn mác, có nắp đậy để lưu giữ, đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.4.2. Giai đoạn vận hành

** Phân loại rác thải tại nguồn thải:*

Chất thải nguy hại phát sinh tại bệnh viện được phân loại ngay tại nguồn. Cụ thể:

+ Thùng, túi nilon màu vàng: Đựng chất thải y tế nguy hại được phép tiêu hủy;

+ Hộp màu vàng đựng chất thải sắc nhọn: Đựng chất thải sắc nhọn như kim tiêm, dao mổ.

+ Thùng, túi nilon màu đen chứa chất thải nguy hại khác

** Lưu giữ chất thải nguy hại*

- Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm không sắc nhọn (được phân loại trong các túi nilon màu vàng) sau khi thu gom được chứa vào 02 thùng chứa màu vàng (dung tích 240 lít).

- Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm sắc nhọn (kim tiêm, lưỡi dao mổ,...) được thu gom riêng vào 10 hộp an toàn màu vàng (3 lít/hộp) đựng kim tiêm và bơm tiêm sau sử dụng; sau đó thu gom tập trung về 02 hộp màu vàng (loại 20 lít/hộp) đặt tại khu vực 02 bể chứa bằng BTCT có dung tích 1,0m³/bể nằm trong nhà kho chứa chất thải (Lò đốt rác).

- Chất thải giải phẫu: Đối với các chất thải có kích thước lớn được người nhà bệnh nhân chủ động xin về để chôn lấp tại nghĩa trang đảm bảo vệ sinh môi trường. Đối với chất thải giải phẫu có kích thước bé được thu gom đưa về lưu giữ tại tủ bảo ôn có dung tích 280 lít.

- Chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm như: dược phẩm hết hạn sử dụng và vỏ lọ hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; pin, ác quy, bóng đèn neon hỏng... được lưu trữ trong 03 thùng chứa rác thải nguy hại (240 lít) riêng biệt đặt tại kho lưu giữ chất thải có diện tích 103,4m², ngăn chứa CTNH diện tích 20,0 m².

- Khu lưu giữ chất thải: Bố trí khu lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 20m² (nằm trong kho chất thải diện tích 103,4 m²) được đổ bê tông và láng nền vừa xi măng chống thấm, tường xây gạch, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng nằm ở phía Tây Nam dự án, bố trí 02 thùng chứa loại 240 lít/thùng chứa chất thải y tế lây nhiễm và 01 thùng màu đen chứa CTNH thông

thường. Vỏ thùng chứa CTNH phải nêu rõ mã chất thải phát sinh, kho chứa phải có biển tên và tách riêng với kho chứa chất thải không nguy hại.

- Một số lưu ý khác trong quá trình lưu giữ chất thải:

- + Tại vị trí đặt các thùng chứa rác trong khu vực này đều có biển chỉ dẫn cho người bệnh, người nhà bệnh nhân, y bác sỹ và khách vãng lai biết khu vực có nguy cơ lây nhiễm cao.

- + Những người không có phận sự không được phép vào khu vực này; y bác sỹ, người nhà bệnh nhân và khách vào khu vực này phải được trang bị khẩu trang chuyên dụng.

- + Trước khi vận chuyển rác thải tới khu vực lưu trữ, rác thải và các thùng chứa này phải được khử trùng bằng vôi bột hoặc hóa chất diệt khuẩn.

** Phương án xử lý đối với từng loại chất thải cụ thể như sau:*

- Chất thải y tế nguy hại (chất thải lây nhiễm sắc nhọn) và Chất thải nguy hại thông thường được Công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC thu gom và xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- *Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn được Bệnh viện Nhi Thanh Hoá thu gom và xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.*

2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng các máy móc, phương tiện thi công phù hợp và được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý; che chắn xung quanh khu vực thi công.

b) Giai đoạn vận hành

- Sử dụng các phương tiện, máy móc, thiết bị phù hợp và được bảo dưỡng, bảo trì định kỳ để đảm bảo các yêu cầu trong quá trình thực hiện dự án.

- Bố trí nhà để máy phát điện cách xa khu vực điều trị. Khoảng cách đến các công trình trên tối thiểu là 10m.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc, thiết bị xử lý; tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Trang bị bổ sung các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng và thiết bị. Thường xuyên kiểm tra đường ống nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố trong hệ thống xử lý nước thải.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Thực hiện phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,0; khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường./.